

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2022/DS-PT

Ngày: 07-11-2022

V/v “tranh chấp hợp đồng dịch vụ
có điều kiện và yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ dân sự”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ có điều kiện và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DSST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 280/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc Bích C, sinh năm: 1975 (đã chết).

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C:

1/ Bà Ngô Thị X, sinh năm: 1952; cư trú tại số 119, đường Đ, Phường T, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

- Người đại diện hợp pháp: Chị Lê Thị Yến V, sinh năm: 1992; cư trú tại số 135, đường N, Phường H, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018), có mặt.

2/ Anh Trương Quốc T, sinh năm 1997; cư trú tại số 71, đường B, Phường T, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người đại diện hợp pháp*: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm: 1966; cư trú tại số 24, đường T, Phường B, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2018), có mặt.

3/ Anh Trương Quốc Đ, sinh năm: 2007.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1969; cư trú tại số 71, đường B, Phường T, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Văn T2, sinh năm: 1930; cư trú tại B18 Khu quy hoạch M, Phường B, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người đại diện hợp pháp*: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1956; cư trú tại số 63, đường N, Phường H, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021), có mặt.

3. *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1967; cư trú tại số 90, đường V, Phường N, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ liên hệ: B18 Khu quy hoạch M, Phường B, thành phố ĐL, có mặt.

2/ Ông Trương Văn T1, sinh năm: 1969; cư trú tại số 71, đường B, Phường T, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp*: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm: 1966; cư trú tại số 24, đường T, Phường B, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2017), có mặt.

4. *Người kháng cáo*: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn anh Trương Quốc T; bị đơn ông Trần Văn T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T1.

5. *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2017, đơn khởi kiện bổ sung và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Ngọc Bích C:

Do có mối quan hệ từ trước nên bà C có cho bà Trần Thị Kim P vay tổng số tiền là 1.350.000.000 đồng, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 23/10/2014, bà P vay số tiền 650.000.000 đồng, tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Inova biển số 49A - 08738, hạn trong vòng 09 tháng kể từ ngày vay sẽ trả số tiền vay;

- Ngày 01/02/2015, bà P vay 700.000.000 đồng, hạn từ 03 đến 06 tháng, bà P sẽ trả số tiền vay cho bà C và bà P đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 407, 399, 408, 406, tờ bản đồ số 9 tại Phường N, thành phố ĐL theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K326403 do UBND thành phố ĐL cấp ngày 24/4/1997 cho ông T2, bà Dấu trên cơ sở văn bản ủy quyền được toàn quyền quản

lý, sử dụng từ vợ chồng ông T2, bà Dấu cho bà P (giấy ủy quyền số 2258 được Phòng công chứng số 1 tỉnh Lâm Đồng công chứng ngày 26/6/2014).

Cả hai lần vay, hai bên đều có viết giấy mượn tiền; đến hạn, bà P không thanh toán số tiền vay nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.350.000.000 đồng và tiền lãi tính từ thời điểm khởi kiện đến khi kết thúc vụ án.

Đồng thời qua tìm hiểu, bà được biết ông Trần Văn T2, bà Vũ Thị Dấu là bố mẹ của bà P đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 407, 399, 408, 406 tờ bản đồ số 9 tại Phường N, thành phố ĐL cho vợ chồng ông Lê D, bà Nguyễn Thị Hương L vào ngày 18/4/2017.

Ngày 13/7/2017, giữa bà C, ông T2 và bà P thỏa thuận với nhau về phương án trả nợ, cụ thể: Ông Trần Văn T2 sẽ trả cho bà C số tiền 500.000.000 đồng thay cho bà P và bà C phải xóa hết các khoản nợ mà bà P đã vay; bà C sẽ giúp làm thủ tục ra sổ đứng tên ông D, đến khi nào ông D nhận được sổ và báo cho ông T2 thì ông T2 sẽ trả cho bà C 500.000.000 đồng thay bà P.

Đến ngày 19/7/2017, bà C có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông T2 có trách nhiệm trả số tiền 500.000.000 đồng thay cho bà P theo thỏa thuận.

Ngày 16/11/2017, bà C có đơn rút yêu cầu khởi kiện với bà P đối với số tiền 1.350.000.000 đồng vì cho rằng số nợ của bà P đã được chuyển giao cho ông T2.

Ngày 25/11/2017, bà C chết nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà C gồm: Bà Ngô Thị X, anh Trương Quốc T, anh Trương Quốc Đ.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị X là chị Lê Thị Yến V:

Trong 500.000.000 đồng ông T2 cam kết sẽ trả thay bà P là tài sản có liên quan đến khoản mà bà C cho bà P vay, khoản chi phí này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng ông Thịnh, bà C. Do đó, đối với số nợ 500.000.000 đồng thì bà X đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng: Buộc ông Trần Văn T2 phải trả cho ông Trương Văn T1 250.000.000 đồng, còn 250.000.000 đồng thì ông T2 có trách nhiệm trả cho các đồng thừa kế của bà C gồm bà Ngô Thị X, anh Trương Quốc Đ, anh Trương Quốc T.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Quốc T là bà Nguyễn Thị Tuyết H:

Bà Thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Yến V và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Quốc Đ là ông Trương Văn T1:

Ông Thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Yến V và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn T2 là ông Nguyễn Văn Q:

Ngày 07/7/2017, bà C khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền nợ vay. Ngày 13/7/2017, bà Lê Ngọc Bích C, ông Trương Văn T1 tự tìm đến nhà ông T2. Theo yêu cầu của ông T2 thì ông Q mới có mặt chứng kiến toàn bộ cuộc nói chuyện, thương lượng vấn đề trả nợ.

Do trước đó có sự thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông T2 với vợ chồng ông D, bà L nhưng chưa ra sổ cho vợ chồng ông D, bà L (do tại thời điểm này gia đình ông T2 và vợ chồng ông Nhân đang có tranh chấp chuyển nhượng đất, nên không thể hoàn thành thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đồng thời, bà C cho rằng có quen biết nhiều cán bộ có thể làm thủ tục ra giấy chứng nhận đứng tên ông Lê D trong vòng 03 ngày, nên giữa ông T2, bà P, ông Thịnh, bà C thống nhất lập biên bản thỏa thuận có nội dung:

1/ Ông T2 sẽ trả cho bà C 500.000.000 đồng để xóa hết các khoản nợ bà P đã vay của bà C;

2/ Bà C sẽ giúp giải quyết việc ra sổ sở hữu đất ông T2 đã bán cho ông D;

3/ Ngày ông Lê D báo cho ông T2 đã nhận được tất cả sổ sở hữu đất đã mua của ông T2, ông T2 sẽ trả đủ cho bà C 500.000.000 đồng.

Giấy thỏa thuận được lập thành 02 bản (01 bản được ký giữa các bên không có chữ ký của ông Lê D và 01 bản được Lê D ký thông qua phiên họp do bà C tổ chức tại số 90 V, Phường N, thành phố ĐL vào tối ngày 13/7/2017). Đồng thời, việc thỏa thuận giữa các bên được ghi âm và được ông T2 cung cấp đĩa CD ngày 15/8/2017, đến ngày 25/11/2017 bà C chết.

Ngày 11/01/2018, ông D mới nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc ông D nhận được sổ đỏ không phải do bà C tác động, mà do gia đình ông T2 và vợ chồng ông D, bà L thỏa thuận với ông Nhân, bà Ngân để rút đơn khởi kiện tạo điều kiện cho ông D, bà L hoàn thành thủ tục sang tên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C, cũng như yêu cầu của ông Thịnh và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C buộc ông T2 phải thực hiện cam kết trả số tiền 500.000.000 đồng thì ông T2 không đồng ý với các lý do: 03 nội dung tại giấy thỏa thuận ngày 13/7/2017 giữa ông Thịnh, bà C với ông T2 là nội dung có liên quan chặt chẽ với nhau, không một điều khoản nào đứng độc lập. Từ đó, thỏa thuận giữa các bên là thỏa thuận có điều kiện, khi một bên hoàn thành xong nghĩa vụ cam kết mới phát sinh phần quyền. Kể từ khi xác lập giấy thỏa thuận giữa bà C với ông T2 vào ngày 13/7/2017, đến thời điểm bà C khởi kiện ngày 19/7/2017, cho đến thời điểm bà C chết vào ngày 25/11/2017, bà C vẫn chưa thực hiện được việc ra sổ đỏ cho vợ chồng ông D, bà L.

Mặt khác, ngày 11/01/2018 vợ chồng ông D, bà L đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 326403 đứng tên ông D, bà L là do có sự thỏa thuận từ các bên, cụ thể: Gia đình ông T2 đã bỏ ra số tiền 500.000.000 đồng và vợ chồng ông D, bà L đã bỏ ra số tiền 650.000.000 đồng để trả cho vợ chồng ông

Nhân, bà Ngân. Từ đó, ông Nhân, bà Ngân rút đơn khởi kiện nên vợ chồng ông D, bà L mới được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, việc ra sổ đỏ cho ông D, bà L phân lớn là do công sức của gia đình ông T2, vợ chồng ông D, bà L qua thương lượng, làm việc với vợ chồng ông Nhân, bà Ngân chứ không phải trên cơ sở tác động của bà C hay do những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C thực hiện.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim P:

Vào khoảng tháng 10/2014, do cần vốn để làm hoa ly tết, qua lời giới thiệu của cháu bà là Nguyễn Trần Quang Huy, bà đã đến gặp bà C để hỏi vay tiền, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 22/10/2014 vay 300.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng;

- Ngày 27/10/2014 vay 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng, hai bên thỏa thuận lãi suất như sau: 400.000.000 đồng bà trả lãi nóng 10%/ngày, 300.000.000 đồng còn lại bà trả lãi đứng cho bà C là 30.000.000 đồng/tháng, khi vay số tiền 700.000.000 đồng này bà thế chấp cho bà C giấy ủy quyền sử dụng đất mà cha mẹ bà là ông T2, bà Dấu đứng tên;

Ngày 13/01/2015, bà gánh nợ 350.000.000 đồng cho cháu bà là Nguyễn Trần Quang Huy còn nợ lại bà C. Đồng thời, bà C đồng ý viết lại giấy nợ với số tiền 650.000.000 đồng đề ngày cũ 22/10/2014 (trong đó 300.000.000 đồng bà vay và 350.000.000 đồng cháu bà tên Huy vay), thời hạn vay là 09 tháng chứ không phải là 06 tháng như giấy nợ cũ.

Cuối tháng 12/2014, bà C điều chỉnh lãi suất nóng và lãi suất đứng từ 10% lên 15%, đối với lãi nóng 05 ngày bà trả cho bà C 01 lần, lãi đứng 15 ngày bà trả cho bà C một lần.

Từ ngày 10 đến ngày 20/01/2015, cần tiền để mua hoa ly đóng hàng tết, bà có vay thêm của bà C số tiền 250.000.000 đồng.

Ngày 25/01/2015, bà vay tiếp 150.000.000 đồng, tổng đợt vay này bà vay của bà C 400.000.000 đồng (bà trả lãi đứng 200.000.000 đồng, lãi nóng 200.000.000 đồng), bà C gộp vào giấy nợ 700.000.000 đồng. Tính đến thời điểm này bà nợ bà C tổng số tiền 1.750.000.000 đồng (bà trả lãi nóng 600.000.000 đồng, trả lãi đứng 1.150.000.000 đồng). Sau khi vay, bà trả lãi cho bà C đều đặn nhưng đến ngày 15/02/2017, bà trả chậm 05 ngày tiền lãi nóng nên bà C tính lãi nóng cho bà đến ngày mừng 10 tết là 230.000.000 đồng, cộng vào số tiền 1.750.000.000 đồng và viết lại giấy chốt nợ mới là 1.980.000.000 đồng.

Ngày 23/4/2015, bà đã trả cho bà C 1.030.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu bà C trả lại các giấy nợ trước, nhưng bà C không trả, mà bà C viết lại giấy chốt nợ mới xác định tính đến ngày 23/4/2015 bà P còn nợ bà C 900.000.000 đồng.

Ngày 07/7/2017, bà C khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền nợ gốc 1.350.000.000 đồng theo các giấy nợ ngày 23/10/2014 và ngày 01/02/2015.

Ngày 13/7/2017, bà Lê Ngọc Bích C, ông Trương Văn T1 tự tìm đến nhà ông T2 (là bố đẻ của bà). Theo yêu cầu của bà C, ông T2 đồng ý trả nợ thay cho bà với số tiền 500.000.000 đồng kèm điều kiện: Sau khi bà C giúp liên hệ với cơ quan chức năng để ra được sổ đỏ đứng ông D, bà L trên phần diện tích đất chuyển nhượng, thì ông T2 sẽ trả tiền chấm dứt khoản nợ vay giữa bà và bà C. Ngày 16/11/2017, bà C rút đơn khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 1.350.000.000 đồng. Đồng thời, bà C yêu cầu ông Trần Văn T2 trả số tiền 500.000.000 đồng thay cho bà theo thỏa thuận ngày 13/7/2017.

Nay bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà C theo quy định của pháp luật.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T1:

Ông và bà C là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 353/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

Khi bà C còn sống có cho bà Trần Thị Kim P vay số tiền 1.350.000.000 đồng, hiện nay ông Trần Văn T2 đồng ý thỏa thuận trả nợ thay cho bà P số tiền 500.000.000 đồng, theo giấy thỏa thuận ngày 13/7/2017 để xóa toàn bộ khoản nợ của bà P vay của bà C ông cũng đồng ý.

Do hiện nay ông và bà C đã ly hôn, bà C đã chết thì trong số tiền 500.000.000 đồng khởi kiện ông Trần Văn T2 thì ông khởi kiện độc lập yêu cầu ông Trần Văn T2 trả cho ông số tiền 250.000.000 đồng trong tổng số tiền mà bà C đã khởi kiện ông T2 phải trả theo biên bản thỏa thuận ngày 13/7/2017.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2021/DS-ST ngày 17/11/2021 Tòa án nhân dân thành phố ĐL tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc Bích C và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Lê Ngọc Bích C; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T1.

Buộc ông Trần Văn T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 500.000.000 đồng cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Lê Ngọc Bích C và cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T1, cụ thể:

- Trả cho ông Trương Văn T1 số tiền 250.000.000 đồng.

- Trả cho bà Ngô Thị X số tiền 84.000.000 đồng.

- Trả cho anh Trương Quốc T số tiền 83.000.000 đồng.

- Trả cho anh Trương Quốc Đ số tiền 83.000.000 đồng. Do anh Đ là người chưa thành niên nên tạm giao số tiền này cho ông Trương Văn T1 (là bố đẻ, đồng thời là người giám hộ hợp pháp của anh Đ) quản lý.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-ADBPKCTT ngày 20/07/2017 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa một phần tài khoản của

ông Trần Văn T2 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án.

Ngày 24/11/2021, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị Bích C là anh Trương Quốc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

Ngày 26/11/2021, nguyên đơn ông Trần Văn T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 26/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL có Quyết định số 02/QĐ-VKS-DS, kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

Tại phiên tòa hôm nay,

Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị Bích C là anh Trương Quốc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc T là bà Nguyễn Thị Tuyết H vẫn giữ nguyên kháng cáo của anh T và ông Thịnh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn T2 là ông Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên kháng cáo của ông T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 26/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn anh T, bị đơn ông T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thịnh giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Lê Ngọc Bích C cho bà Trần Thị Kim P vay số tiền 1.350.000.000 đồng; để giải quyết vấn đề trả nợ trên, ngày 13/7/2017 giữa ông Trần Văn T2 (bố bà P), bà P, bà C và ông Trương Văn T1 có lập biên bản thỏa thuận với nội dung: Ông T2 sẽ đứng ra thanh toán số tiền 500.000.000 đồng mà bà P còn thiếu cho bà C, với điều kiện sau khi bà C giúp ông T2 hoàn thành việc sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Lê D, bà Nguyễn Thị Hương L đối với diện tích đất gia đình ông T2 chuyển nhượng cho vợ chồng ông D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K326403. Đến ngày 17/7/2017, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc ông T2 phải thực hiện cam kết trả nợ thay bà P với số tiền 500.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn T2 thừa nhận ngày 13/7/2017, ông có lập Biên bản thỏa thuận để trả nợ cho bà C thay bà P, nhưng với điều kiện sau khi bà C giúp ông hoàn thành việc sang tên cho vợ chồng ông D, bà L trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất gia đình ông chuyển nhượng cho vợ chồng ông D, bà L, nhưng do bà C không thực hiện đúng cam kết, vì vậy ông không có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ cho bà C thay bà P nên các bên phát sinh tranh chấp.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là *“Tranh chấp hợp đồng dịch vụ có điều kiện và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về dân sự”* theo quy định tại Điều 116, khoản 1 Điều 119, Điều 120, Điều 513 đến Điều 519 Bộ Luật dân sự 2015 là có căn cứ.

[1.2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án, với lý do bà C không thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong văn bản ngày 13/7/2017, nên bà C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C chưa đủ điều kiện khởi kiện, thì thấy:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của bà Lê Ngọc Bích C yêu cầu ông Trần Văn T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà Trần Thị Bích Phượng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C chết ngày 24/11/2017, Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đưa những người thừa kế quyền và nghĩa vụ về tài sản của bà C vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là đúng quy định pháp luật.

Đồng thời, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, với việc bị đơn kháng cáo đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án với lý do bà C không thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong văn bản ngày 13/7/2017, nên bà C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C chưa có đủ điều kiện khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị Bích C là anh Trương Quốc T; bị đơn ông Trần Văn T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL.

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 26/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T2 thấy rằng:

Căn cứ văn bản thỏa thuận ngày 13/7/2017 (bút lục 266) thể hiện: Ông T2, bà P, bà C, ông Thịnh thỏa thuận để giải quyết khoản nợ của bà P với bà C, thì ông T2 sẽ đồng ý trả cho bà C số tiền 500.000.000 đồng để thanh toán tất cả các khoản vay trước đây bà P đã vay của bà C. Bà C sẽ giúp giải quyết việc ra sổ sở hữu đất mà ông T2 đã chuyển nhượng cho ông D, bà L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 326403 đã bị ngăn chặn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Q là người đại diện theo ủy quyền của ông T2, bà P thừa nhận chữ ký trong văn bản thỏa thuận ngày 13/7/2017 đúng là chữ ký của ông T2, bà P, bà C, ông Thịnh và người làm chứng là ông (Nguyễn Văn Q) và các bên lập văn bản thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị cưỡng ép, ép buộc nên đây được xem là căn cứ để giải quyết các yêu cầu của đương sự. Bị đơn cho rằng do bà C không thực hiện đúng thỏa thuận nên không đồng ý trả nợ thay cho bà P.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của ông Q là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đồng thời là người làm chứng tại văn bản thỏa thuận ngày 13/7/2017, thì nghĩa vụ của bà C trong thỏa thuận này là sẽ giúp giải quyết việc ra sổ sở hữu đất mà ông T2 đã chuyển nhượng cho ông D, ngày ông D thông báo nhận giấy chứng nhận thì ông T2 sẽ thanh toán cho bà C số tiền 500.000.000 đồng. Theo văn bản số 186-CCTT/VPĐKĐL ngày 26/4/2018 và số 174-CCTT/VPĐKĐL ngày 11/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL thể hiện: Phần diện tích đất ông D nhận chuyển nhượng của ông T2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 326403, đã được đăng ký biến động sang tên cho ông Lê D ngày 11/01/2018, và ông D đã nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên ngày 11/01/2018. Như vậy, ông D đã được đăng ký biến động sang tên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 326403; các bên thỏa thuận là bà C sẽ giúp, chứ không phải là điều kiện bắt buộc để khi bà C thực hiện xong mới chuyển giao nghĩa vụ trả nợ thay của ông T2 đối với khoản tiền mà trước đó bà P đã vay của bà C 1.350.000.000 đồng. Hơn nữa, việc thỏa thuận trả nợ thay của ông T2 là tự nguyện và số tiền ông T2 thỏa thuận trả nợ thay cho bà P 500.000.000 đồng để xóa số nợ 1.350.000.000 đồng mà Phụng nợ bà C trước đó là có lợi cho bà P.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, ông T2 yêu cầu giám định giọng nói của bà C để khẳng định bà C có hứa giúp hoàn tất việc chuyển nhượng đất giữa ông T2 và ông D. Tuy nhiên, do bà C đã chết nên việc giám định giọng nói là không thực hiện được.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ văn bản thỏa thuận ngày 13/7/2017, để xác định phần chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T2 và ông D đã thực hiện xong, còn phần chuyển giao nghĩa vụ thỏa thuận trả nợ thay của ông T2 chưa thực hiện, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị Bích C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T1; buộc ông T2 có nghĩa vụ trả số tiền 500.000.000 đồng là số tiền chuyển giao nghĩa vụ từ nghĩa vụ trả nợ của bà P sang nghĩa vụ của ông T2 trả cho bà C là có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là anh Trương Quốc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T1 thấy rằng:

Tại thời điểm các bên lập văn bản thỏa thuận ngày 13/7/2017, thì ông Thịnh và bà C là vợ chồng, việc bà C cho bà P vay tiền và việc ông T2 thỏa thuận trả nợ thay khoản tiền bà P vay của bà C là diễn ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà C và ông Thịnh. Do bà C chết không để lại di chúc và ông Thịnh, bà C đã có Quyết định thuận tình ly hôn số 353/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2017 của Toà án nhân dân thành phố ĐL, nên trong số tiền mà ông T2 thỏa thuận thực hiện trả nợ thay cho bà P, thì phần ông Thịnh là $\frac{1}{2}$ và phần của bà C là $\frac{1}{2}$, nhưng do bà C chết không để lại di chúc nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C được nhận số tiền này trong đó có anh T và có yêu cầu chia số tiền này trong cùng vụ án, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được nhận theo quy định là phù hợp.

[3] Với phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị Bích C là anh Trương Quốc T; bị đơn ông Trần Văn T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc T.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của anh Trương Quốc T, ông Trương Quốc T, ông Trần Văn T2 không được chấp nhận nên anh T, ông Thịnh, ông T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay ông T2 đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T2 được miễn toàn bộ án phí nên Tòa án cấp phúc thẩm miễn án phí phúc thẩm cho ông T2.

[5] Tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa một phần tài khoản của ông Trần Văn T2 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng”. Toà án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-ADBPCKTT ngày 20/07/2017, nên cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị Bích C là anh Trương Quốc T; bị đơn ông Trần Văn T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 26/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL.

2- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc Bích C (đã chết) những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Ngọc Bích C gồm: Bà Ngô Thị X, anh Trương Quốc T, anh Trương Quốc Đ; Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T1.

Buộc ông Trần Văn T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 500.000.000 đồng cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Ngọc Bích C và cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T1, cụ thể:

- Trả cho ông Trương Văn T1 số tiền 250.000.000 đồng.
- Trả cho bà Ngô Thị X số tiền 84.000.000 đồng.
- Trả cho anh Trương Quốc T số tiền 83.000.000 đồng.
- Trả cho anh Trương Quốc Đ số tiền 83.000.000 đồng. Do anh Đ là người chưa thành niên nên tạm giao số tiền này cho ông Trương Văn T1 (là bố đẻ đồng thời là người giám hộ hợp pháp của anh Đ) quản lý.

3- Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4- Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn T2, bà Ngô Thị X và anh Trương Quốc Đ.

Buộc anh Trương Quốc T phải chịu 4.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Trương Văn T1 phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.250.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2016/0008396 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐL nên ông Thịnh còn phải nộp 6.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Ngọc Bích C gồm: Bà Ngô Thị X, anh Trương Quốc T và anh Trương Quốc Đ số tiền số tiền 38.250.000 đồng đã tạm nộp theo các biên lai thu số

AA/2016/0001509 ngày 10/7/2017 và số AA/2016/0001533 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐL.

- Ấn phí phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Văn T2.

Buộc ông Trương Văn T1, anh Trương Quốc T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ đã tạm nộp theo các biên lai thu số 0001289 ngày 01/12/2021 và số 0001291 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐL. Ông Thịnh, anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND thành phố ĐL;
- Chi cục THADS Tp. ĐL;
- Phòng KTNV&THA;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân Huỳnh Châu Thạch

Đỗ Mạnh Hùng